

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THANH KHÊ-TP ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/KDTM-ST

Ngày: 20-4-2022

"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đức Tuấn.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhớ.

2. Ông Phạm Thuận.

- Thư ký Toà án phiên toà: Ông Phạm Nguyễn Viết Cường - Thư ký Toà án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Minh Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2022 tại Toà án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng mở phiên toà sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2021/TLST-KDTM ngày 19/11/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số: 23/2022/QĐST-KDTM ngày 21 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V; địa chỉ: Đường H, phường L, quận D, thành phố Hà Nội; điện diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – chức danh: Chủ tịch HĐQT; đại diện khởi kiện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Minh H - Chức danh: Phó giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng; đại diện tham gia tố tụng theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Lê Anh T – Chức danh: Cán bộ xử lý nợ, địa chỉ liên hệ: Đường P, quận C, thành phố Đà Nẵng (theo Văn bản uỷ quyền số: 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020 của Chủ tịch HĐQT và Văn bản uỷ quyền số: 502/2020/UQ-VPB ngày 18/10/2021 của Phó giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng, có mặt).

- *Bị đơn:* Công ty TNHH MTV A; địa chỉ: Đường N, phường C, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Ngọc T1 - chức danh: Giám đốc (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Vũ Ngọc T1 - sinh năm 1970; nơi ĐKKHKT: Ngõ X2, phường N, quận D, thành phố Hà Nội; nơi tạm trú: Đường N, phường C, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt).

NHẬN THẤY

Tại đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng ngày 29 tháng 10 năm 2021, các bản tự khai ngày 05 tháng 01 năm 2022, ngày 21 tháng 01 năm 2022, ngày 21 tháng 3 năm 2022 cũng như tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn trình bày:

Theo Hợp đồng cho vay từng lần số: 240617-3815553-01-SME ngày 17 tháng 7 năm 2017, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHD ngày 17 tháng 7 năm 2017 ký kết giữa hai bên, Ngân hàng TMCP V cho Công ty TNHH MTV A (gọi tắt là Công ty A) vay số tiền 500.000.000đ (*năm trăm triệu đồng*), thời hạn vay: 36 tháng, với mục đích: bổ sung vốn kinh doanh, mức lãi suất vay được thỏa thuận cụ thể trong mỗi khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn đối với nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất chậm trả lãi bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lại nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Việc giải ngân được thực hiện vào ngày 17 tháng 7 năm 2021 với số tiền 300.000.000đ (*ba trăm triệu đồng*) theo Khế ước nhận nợ số: 170717-3815553-01-SME, và ngày 24 tháng 7 năm 2017 với số tiền 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*) theo Khế ước nhận nợ số: 240717-3815553-01-SME; thanh toán nợ gốc và lãi theo từng kỳ vào ngày 17 hàng tháng.

Để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán nợ của Công ty A, ông Vũ Ngọc T1 đã bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ đối với Ngân hàng bằng toàn bộ tài sản cá nhân của mình theo Hợp đồng bảo lãnh số: 240617-3815553-01-SME/HĐBL ngày 17 tháng 7 năm 2017.

Trong quá trình thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ, phía Công ty A đã thực hiện đúng cam kết cho đến ngày 13 tháng 4 năm 2020. Kể từ ngày 14 tháng 4 năm 2020, Công ty A không thực hiện thanh toán nên toàn bộ khoản nợ chuyển sang quá hạn. Tạm tính từ ngày 14 tháng 4 năm 2020 đến ngày 20 tháng 4 năm 2022, Công ty A còn nợ tổng số tiền 93.129.973đ (*chín mươi ba triệu một trăm hai mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng*) cho cả 02 Khế ước nhận nợ, cụ thể:

- Đối với Khế ước nhận nợ số: 170717-3815553-01-SME ngày 17/7/2017: Tiền gốc vay: 27.795.953đ, tiền lãi trong hạn: 473.397đ, tiền lãi quá hạn: 19.934.026đ, tiền lãi do chậm trả lãi: 5.669.046đ. Tổng cộng là 53.872.422đ (*năm mươi ba triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng*).

- Đối với Khế ước nhận nợ số: 240717-3815553-01-SME ngày 24/7/2017: Tiền gốc vay: 20.649.777đ, tiền lãi trong hạn: 385.850đ, tiền lãi quá hạn: 13.418.559đ, tiền lãi do chậm trả lãi: 4.803.365đ. Tổng cộng là 39.275.551đ (*ba mươi chín triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi một đồng*).

Do Công ty A đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng yêu cầu Toà án giải quyết buộc Công ty A phải thanh toán toàn bộ khoản tiền nợ tạm tính đến ngày 20 tháng 4 năm 2022 là 93.129.973đ (*chín mươi ba triệu một trăm hai mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng*), trong đó: Tiền gốc vay: 48.445.730đ, tiền lãi trong hạn: 859.247đ, tiền lãi quá hạn: 33.352.585đ, tiền lãi do chậm trả lãi: 10.472.411đ; và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong các Văn bản ký kết giữa hai bên kể từ ngày 21 tháng 4 năm 2022 cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp Công ty A không thực hiện thanh toán, thanh toán không đầy đủ số tiền nêu trên thì ông Vũ Ngọc T1 có nghĩa vụ thanh toán thay toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Tại bản tự khai ngày 22 tháng 3 năm 2022, đại diện bị đơn ông Vũ Ngọc T1 trình bày: Tôi xác nhận Công ty của tôi có vay của Ngân hàng TMCP V số tiền 500.000.000đ (*năm trăm triệu đồng*). Công ty đã thực hiện thanh toán đều đặn hàng tháng cho đến khi xảy ra dịch Covid-19. Vì tình hình dịch bệnh nên công ty chịu ảnh hưởng nặng nề, không hoạt động trong hơn 02 năm qua. Hiện nay, công ty tôi còn nợ lại Ngân hàng tiền gốc vay là 48.445.730đ (*bốn mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm ba mươi đồng*) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày 17 tháng 4 năm 2020 cho đến nay chưa thanh toán.

Vì điều kiện khó khăn do dịch bệnh phát sinh liên tục trong nhiều năm nên công ty tôi đã phải trả lại cửa hàng và không còn hoạt động kinh doanh được nữa. Do vậy, công ty tôi đề nghị phía Ngân hàng miễn toàn bộ tiền lãi, và xin trả tiền gốc vay hàng tháng với số tiền 1.000.000đ (*một triệu đồng*) bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản nợ của công ty mở tại Ngân hàng.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết, thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng cho các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án; tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia tố tụng; nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết nội dung vụ án:*

+ Căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc Công ty TNHH MTV A có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền nợ vay tạm tính đến ngày 20 tháng 4 năm 2022 là 93.129.973đ (*chín mươi ba triệu một trăm hai mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng*), trong đó: Tiền gốc vay: 48.445.730đ, tiền lãi trong hạn: 859.247đ, tiền lãi quá hạn: 33.352.585đ, tiền lãi do chậm trả lãi: 10.472.411đ; và tiền lãi phát sinh

theo thoả thuận trong các Văn bản ký kết giữa hai bên kể từ ngày 21 tháng 4 năm 2022 cho đến khi thanh toán xong.

+ Trường hợp Công ty A không thực hiện thanh toán, thanh toán không đầy đủ số tiền nêu trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu ông Vũ Ngọc T1 có nghĩa vụ thanh toán thay toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

+ Về án phí: Công ty A phải chịu theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với Công ty TNHH MTV A về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Phiên tòa hôm nay là lần thứ hai người đại diện theo pháp luật của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người đại diện của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung tranh chấp*: Ngân hàng TMCP V và Công ty TNHH MTV A (gọi tắt là Công ty A) đã ký kết Hợp đồng cho vay từng lần số: 240617-3815553-01-SME ngày 17 tháng 7 năm 2017, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHD ngày 17 tháng 7 năm 2017. Theo thoả thuận, Công ty A vay tổng số tiền 500.000.000đ (*năm trăm triệu đồng*), thời hạn vay: 36 tháng, với mục đích: bổ sung vốn kinh doanh, mức lãi suất vay được thoả thuận cụ thể trong mỗi khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn đối với nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất chậm trả lãi bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lại nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; thanh toán nợ gốc và lãi theo từng kỳ vào ngày 17 hàng tháng.

[4] Để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán nợ của Công ty A, ông Vũ Ngọc T1 đã bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ đối với Ngân hàng bằng toàn bộ tài sản cá nhân của mình theo Hợp đồng bảo lãnh số: 240617-3815553-01-SME/HDBL ngày 17 tháng 7 năm 2017.

[5] Việc giải ngân được thực hiện 2 đợt, vào ngày 17 tháng 7 năm 2021 với số tiền 300.000.000đ (*ba trăm triệu đồng*) theo Khế ước nhận nợ số: 170717-3815553-01-SME, và ngày 24 tháng 7 năm 2017 với số tiền 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*) theo Khế ước nhận nợ số: 240717-3815553-01-SME. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, Công ty A đã thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ cho đến ngày 13 tháng 4 năm 2020, kể từ ngày 14 tháng 4 năm 2020 cho đến nay, Công ty A không tiếp tục thanh toán cho cả 02 Khế ước vay nên Ngân hàng tiến hành khởi kiện. Đại diện theo pháp luật của bị đơn, người bảo lãnh

là ông Vũ Ngọc T1 thừa nhận đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, xác nhận số tiền nợ phù hợp với yêu cầu của đại diện Ngân hàng. Đồng thời, xin thanh toán theo phương thức trả hàng tháng với số tiền 1.000.000đ (*một triệu đồng*).

[6] Xét thấy Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết là Hợp đồng vay tài sản, có bảo lãnh để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thanh toán, những người tham gia ký kết đều có năng lực trách nhiệm dân sự, thể hiện sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, nội dung hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hợp đồng vay, Hợp đồng bảo lãnh mà các bên đã ký kết có hiệu lực pháp luật theo quy định tại các Điều 117, 335, 463 của Bộ luật Dân sự. Do Công ty A vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ.

[7] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc Công ty A thanh toán tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày xét xử (ngày 20 tháng 4 năm 2022) là 93.129.973đ (*chín mươi ba triệu một trăm hai mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng*), trong đó: Tiền gốc vay: 48.445.730đ (*bốn mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm ba mươi đồng*), tiền lãi trong hạn: 859.247đ (*tám trăm năm mươi chín nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng*), tiền lãi quá hạn: 33.352.585đ (*ba mươi ba triệu ba trăm năm mươi hai nghìn năm trăm tám mươi lăm đồng*), tiền lãi do chậm trả lãi: 10.472.411đ (*mười triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm mười một đồng*). Đồng thời, đại diện Ngân hàng còn yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày 21 tháng 4 năm 2022 cho đến khi thanh toán xong nợ. Ngoài ra, Ngân hàng TMCP V yêu cầu ông Vũ Ngọc T1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thay trong trường hợp Công ty A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán nêu trên theo thỏa thuận tại Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

[8] Xét thấy yêu cầu của đại diện nguyên đơn phù hợp với thỏa thuận tại Điều 2 của Hợp đồng cho vay từng lần số: 240617-3815553-01-SME ngày 17 tháng 7 năm 2017, Phụ lục hợp đồng số: 01/PLHĐ ngày 17 tháng 7 năm 2017, Khế ước nhận nợ số: 170717-3815553-01-SME ngày 17 tháng 7 năm 2017 và Khế ước nhận nợ số: 240717-3815553-01-SME ngày 24 tháng 7 năm 2017, Hợp đồng bảo lãnh số: 240617-3815553-01-SME/HĐBL ngày 17 tháng 7 năm 2017 mà các bên đã ký kết, đúng với quy định tại các Điều 336, 339, 342 và 466 của Bộ luật Dân sự, Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, phù hợp với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[9] Về án phí: Công ty A phải chịu 4.656.500đ (*bốn triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm ($93.129.973đ \times 5\%$, đã làm tròn số) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 117, 335, 336, 339, 342, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với Công ty TNHH MTV A về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc Công ty TNHH MTV A có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền nợ vay tạm tính đến ngày 20 tháng 4 năm 2022 là: 93.129.973đ (*chín mươi ba triệu một trăm hai mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi ba đồng*), trong đó: Tiền gốc vay: 48.445.730đ (*bốn mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm ba mươi đồng*), tiền lãi trong hạn: 859.247đ (*tám trăm năm mươi chín nghìn hai trăm bốn mươi bảy đồng*), tiền lãi quá hạn: 33.352.585đ (*ba mươi ba triệu ba trăm năm mươi hai nghìn năm trăm tám mươi lăm đồng*), tiền lãi do chậm trả lãi: 10.472.411đ (*mười triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm mười một đồng*)

Kể từ ngày 21 tháng 4 năm 2022 cho đến khi thanh toán hết số tiền nêu trên thì hàng tháng Công ty TNHH MTV A còn phải trả các khoản tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay từng lần số: 240617-3815553-01-SME ngày 17 tháng 7 năm 2017, Phụ lục hợp đồng số: 01/PLHĐ ngày 17 tháng 7 năm 2017, Khế ước nhận nợ số: 170717-3815553-01-SME ngày ngày 17 tháng 7 năm 2017 và Khế ước nhận nợ số: 240717-3815553-01-SME ngày 24 tháng 7 năm 2017 mà hai bên đã ký kết.

Trường hợp Công ty TNHH MTV A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán nêu trên thì Ngân hàng TMCP V được quyền yêu cầu ông Vũ Ngọc T1 thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán nợ theo Hợp đồng bảo lãnh số: 240617-3815553-01-SME/HĐBL ngày 17 tháng 7 năm 2017 mà các bên đã ký kết.

2. Về án phí: Công ty TNHH MTV A phải chịu 4.656.500đ (*bốn triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí 3.000.000đ (*ba triệu đồng*) đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002375 ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (20/4/2022). Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Thanh Khê;
- CCTHADS quận Thanh Khê;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Đức Tuấn